

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 31/7/2019
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm.

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Lê Thị Diễm L, sinh năm 1983. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Lê Thị Diễm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào ngày 01/9/2010, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp; anh N thường xuyên gây gổ, xích mích trong gia đình và nhiều lần đánh chị. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh N được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung tên là Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Tiểu M, sinh ngày 08/11/2014. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hòa hợp, mâu thuẫn phát sinh từ lúc sinh đứa con đầu, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2018, chị L đã ra ở riêng và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị L yêu cầu ly hôn thì anh thống nhất.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Tiểu M, sinh ngày 08/11/2014. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Lê Thị Diễm L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Lê Thị Diễm L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Văn N, địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện Q, tỉnh N. Nay, chị L khởi kiện xin ly hôn với anh N và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 01 tháng 9 năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng vợ chồng chị sống chung không hòa hợp, anh N thường xuyên gây gổ, xích mích trong gia đình và nhiều lần đánh chị. Anh N cũng thừa nhận vợ chồng sống không hòa hợp, mâu thuẫn phát sinh từ lúc sinh đứa con đầu, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, anh chị không còn chung sống với nhau nữa và tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả hai anh chị đều thống nhất ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh N có hai con chung tên là Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Tiểu M, sinh ngày 08/11/2014. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 3.000.000 đồng; anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2019, cháu Q trình bày cháu muốn ở với mẹ, hiện nay mẹ đang sống với em M ở thành phố Đà Nẵng, cháu cũng muốn học ở thành phố Đà Nẵng để ở với mẹ và em M. Xét thấy cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ, cháu M còn nhỏ, hiện đang sống ổn định cùng chị L tại thành phố Đà Nẵng. Cả hai cháu đều cần sự chăm sóc, giáo dục từ gia đình, đặc biệt là sự quan tâm, gần gũi của người mẹ. Chị L hiện đang làm kiến trúc sư tại Công ty Cổ phần thiết kế xây dựng B có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng, thời gian làm việc theo giờ hành chính, thu nhập trung bình 18.500.000 đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện chăm sóc và gần gũi các con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai cháu Nguyễn Văn Thiên Q và Nguyễn Tiểu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L: Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 3.000.000 đồng. Xét việc nuôi con chung là nghĩa vụ của cả vợ và chồng nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng của chị L đối với anh N là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do điều kiện thu nhập hiện nay của anh N cũng như để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu Nguyễn Văn Thiên Q và Nguyễn Tiểu M nên cần chấp nhận mức tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng là phù hợp và buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi hai cháu Q, M thành niên (đủ 18 tuổi) theo quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị L phải chịu và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lê Thị Diễm L về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Lê Thị Diễm L và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Tiểu M, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Trần Lê Thị Diễm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng (1.500.000đồng/cháu/tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2019. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Trần Lê Thị Diễm L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006997 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Nguyễn Văn N phải chịu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng